

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **46/2017/HSST**
Ngày 30/11/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thuận Lợi;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Phú;

Ông Huỳnh Thanh Hùng.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Đỗ Ngọc Mai Thy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Hứa Thoại Khương – Kiểm sát viên

Trong ngày 30 tháng 11 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, Tòa án nhân dân huyện A đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 36/2017/HSST ngày 02/10/2017 đối với bị cáo:

Trịnh Văn T (A), sinh năm 1990, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Đ, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hoá: 9/12, con ông Trịnh Văn H, sinh năm: 1951 và bà Mai Thị Ngọc M, sinh năm: 1958. Anh chị em ruột có 02 người, bị can là người lớn nhất. Tiền sự, tiền án: chưa. Bị bắt tạm giam từ ngày 03/8/2017 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

Phan Văn D, sinh năm 1974 (có mặt);

Võ Thị Bích T, sinh năm 1979 (vắng mặt);

Cùng cư trú: Ấp Đ, xã Q, huyện A, An Giang.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Trương Thị D, sinh năm 1963 (vắng mặt);

Cư trú: Ấp Q, xã Q, huyện A, An Giang.

- *Người làm chứng:*

Bùi Thanh M, sinh năm 1968(vắng mặt);

Trần Văn Đ, sinh năm 1951(vắng mặt);

La Văn Q, sinh năm 1966(vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp Đ, xã Q, huyện A, An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 20 phút ngày 23/5/2017, sau khi chơi game xong T đi bộ về nhà, khi đến khu vực nhà ông La Văn Q ngụ ấp Đ, xã Q, huyện A, lúc này T thấy nhà ông Q đã tắt đèn nên đi xuống chuồng gà dưới sân nhà ông Q ý định trộm con gà trống mà T đã thấy trước đây. Khi đến gần chuồng gà chưa kịp trộm gà thì bị anh Phan Văn D (trên nhà ông Q khoảng 20m) phát hiện (do anh D đã nghi vấn T trước đây trộm tiền nhà anh D nên anh D để ý theo dõi T), anh D dùng khúc gỗ đánh vào người T nhưng không trúng, nên T bỏ chạy và trốn dưới sân nhà gần đó thì bị anh D bắt giữ giao T cho Công an xã Q, huyện A xử lý. Qua làm việc T thừa nhận có ý định bắt trộm gà của ông Q. Đồng thời khai nhận trước đây T đã hai lần đột nhập vào nhà anh D trộm tiền, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng trước Tết Nguyên đán Đinh Dậu 2017 hai tháng (không nhớ thời gian chính xác), T đột nhập vào nhà anh D và trộm số tiền khoảng hơn 1.300.000 đồng.

Lần thứ hai: Vào khoảng 22 giờ, cuối tháng 12 năm 2016, T tiếp tục đột nhập vào nhà anh D lấy trộm cái cặp da của vợ chồng anh D đang ngủ trong phòng, sau khi lấy trộm xong T đem cặp da giấu dưới sân nhà của T. Đến 03 ngày sau, T lấy cặp da đi qua cầu Hòa Hảo thuộc ấp Đ, xã Q, huyện A mở cặp da ra kiểm tra bên trong có một cọc tiền 8.000.000 đồng (tờ mệnh giá 200.000 đồng) và khoảng 6.000.000 đồng để trong bọc ni lông, tổng cộng số tiền khoảng 14.000.000 đồng, xong T ném cái cặp xuống cầu Hòa Hảo rồi đi về nhà. Sau đó, T lấy tiền trộm tại nhà anh D mang sang Campuchia đánh bạc thua hết.

Tại bản Cáo trạng số 36/VKS-HS ngày 02/10/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố Trịnh Văn T (A) về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 01 Điều 138 Bộ luật hình sự. Kết luận do có hành vi lén lút đột nhập vào nhà ông Phan Văn D lấy trộm số tiền 16.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận: Từ trước đến nay bị cáo đã 02 lần vào nhà của ông Phan Văn D để trộm tiền, lần đầu là vào trước Tết Nguyên đán 2017 hai tháng, bị cáo đột nhập vào nhà trộm ông D số tiền là 1.300.000 đồng, tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay bị cáo xác định chiếm đoạt số tiền 2.000.000đ; lần thứ hai là cuối tháng 12/2016 bị cáo vào nhà ông D lấy trộm cái cặp da của vợ chồng ông D trong lúc vợ chồng đang ngủ, trong đó có 14.000.000 đồng. Hai lần bị cáo

trộm mục đích để dùng số tiền này qua Campuchia đánh bạc. Bị cáo thừa nhận các hành vi phạm tội như trên.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa phát biểu lời luận tội đối với hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b,p,o khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 xử phạt bị cáo Trịnh Văn T (A) với mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo không tự bào chữa cho hành vi của mình.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Xét, sự có mặt của người bị hại và người liên quan đã đủ cơ sở để Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án riêng những người tham gia tố tụng (người làm chứng) vắng mặt đều đã có lời khai tại Cơ quan Điều tra được thể hiện trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử; căn cứ Điều 191, 192 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra; phù hợp với lời khai của người bị hại, những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đầy đủ căn cứ xác định: Bị cáo Trịnh Văn T (A) đã lén lút đột nhập 02 lần vào nhà ông Phan Văn D lấy tổng số tiền là 16.000.000 đồng.

[3] Người bị hại ông Phan Văn D trình bày: Trước Tết năm 2017 nhà anh bị mất trộm tài sản 02 lần tổng cộng số tiền khoảng 16.000.000 đồng, lần đầu khoảng 2.000.000 đồng và lần thứ 2 khoảng 14.000.000 đồng, số tiền trên do vợ anh để trong cặp da và mang vào mừng ngủ trong đêm đến sáng thì phát hiện mất.

Vào khoảng 20 giờ ngày 23/5/2017, do nhà anh bị mất trộm nhiều lần, nên anh nghi ngờ T lấy trộm tài sản tại nhà mình nên theo dõi. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày thì T đứng ngoài đường lộ nông thôn trước nhà của anh nhìn vào, sau đó T đi xuống sân nhà của anh Q, nên anh đi theo quan sát. Khi đến sân nhà ông Q thì T dùng đèn pin của điện thoại rọi vào sân nhà quan sát, lúc này anh cầm một khúc cây tre dài khoảng 1,5 mét đánh T nhưng không trúng thì T bỏ chạy và núp dưới sân nhà gần đó, nên anh kêu T bước ra và dẫn T đến Công an xã Q trình

báo sự việc. Tại đây T khai nhận lấy trộm tiền nhà anh hai lần với tổng số tiền khoảng 15.300.000 đồng. Sau này gia đình của T đã đến gia đình anh bồi thường số tiền 5.000.000 đồng, do thấy hoàn cảnh gia đình T khó khăn nên số tiền còn lại anh không yêu cầu T bồi thường.

[4] Người bị hại bà Võ Thị Bích T trình bày: Khoảng trước Tết Nguyên đán năm 2017 nhà hai lần bị mất trộm tiền: Lần thứ nhất: Khoảng trước Tết Nguyên đán năm 2017 hai tháng (không nhớ thời gian chính xác), chị ngủ chung với chồng là anh Phan Văn D ở trong bếp, có để số tiền khoảng 2.000.000 đồng bên trong cái bọc nylon và để trong cặp da bên hông tay phải, đến sáng thì phát hiện số tiền bị mất chỉ còn lại cái cặp da, nhưng do thấy số tiền ít nên không có trình báo Công an; lần thứ hai: Vào đêm 26 tháng 12 năm 2016, cũng như lần trước chị ngủ cùng với anh D tại nhà bếp, có để số tiền khoảng 14.000.000 đồng trong cái cặp, trong đó có một cọc 8.000.000 đồng (tờ mệnh giá 200.000 đồng) là số tiền tôi mới hốt hụi, còn lại số tiền khoảng 6.000.000 đồng là tiền chị mua, bán cá. Chị để cái cặp da kế bên hông tay phải ngủ đến sáng thì phát hiện mất cái cặp và tiền, ngoài ra còn mất 02 giấy chứng minh nhân tên Võ Văn Đ và Phạm Thị Đ. Sau đó gia đình chị trình báo Công an và truy tìm cái cặp nhưng không thấy và không biết ai lấy trộm.

[5] Căn cứ pháp luật, hành vi của bị cáo Trịnh Văn T (A) đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện A truy tố bị cáo Trịnh Văn T (A) về tội danh, điều luật (đã viện dẫn) là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[6] Xét về tính chất vụ án: Bị cáo đứng trước phiên tòa hôm nay là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có đầy đủ sức khỏe để lao động nuôi bản thân và gia đình, tự tạo ra của cải phục vụ cho sinh hoạt cá nhân, nhưng chỉ vì bản chất tham lam, lười biếng lao động, mới ra tù lại tiếp tục phạm tội, đã lén lút lấy trộm tài sản của người khác số tiền là 16.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xem thường pháp luật, đã xâm phạm đến tài sản của công dân, được quy định tại Điều 138 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, do đó cần phải xử lý nghiêm mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm.

[7] Xét về lượng hình: Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là hành vi trái pháp luật, bị cáo trước đây đã phạm tội bị xử một lần về tội trộm cắp tài sản đã được xóa án tích nhưng bị cáo không biết năn năn hối hận mà vẫn tiếp tục theo con đường củ, thực hiện hành vi phạm tội một cách cố ý, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự trước pháp luật Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc trong lúc lượng hình để đưa ra bản án nghiêm khắc nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội sau này.

[8] Xét về nhân thân: Bị cáo có nhân thân không tốt, trước đây đã có 01 tiền án, ngày 14/4/2009, đã bị Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang xử phạt 03 tháng 25 ngày tù về tội “Trộm cắp tài sản”, nay đã được xóa án tích; đồng thời bị cáo 02 lần chiếm đoạt tiền của ông H, chị T (lần đầu 2.000.000đ, lần thứ hai

14.000.000đ) là phạm tội nhiều lần theo điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, thấy rằng, ở giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, biết ăn năn, hối cải, bồi thường thiệt hại cho người bị hại 5.000.000đ và người bị hại không yêu cầu bồi thường thêm, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo đã tự thú ra các lần phạm tội trước. Do đó Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, o, p khoản 1, Điều 46 xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[9] Từ những nhận định như trên và xem xét nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy Viện kiểm sát đề nghị mức án từ 09 tháng đến 01 năm tù là phù hợp, đủ tác dụng răn đe và giáo dục bị cáo do đó Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Phía gia đình bị cáo đã khắc phục số tiền cho bên bị hại là 5.000.000 đồng. do thấy hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn nên phía bị hại không yêu cầu bị cáo T phải trả thêm số tiền còn lại. Nên HĐXX không đề cập xem xét giải quyết.

Lẽ ra bị cáo còn phải bị phạt tiền, nhưng xét hoàn cảnh bị cáo khó khăn, nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[11] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 138; điểm b,p,o khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 của Bộ luật hình sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Căn cứ Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội,

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Trịnh Văn T (A)** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo **Trịnh Văn T (A) 09 (Chín) tháng tù**; Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 03/8/2017).

Về án phí: Buộc bị cáo **Trịnh Văn T (A)** phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (30/11/2017), bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng những người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện (02);
- Tòa án nhân dân tỉnh (01);
- Nhà Tạm giữ (01);
- Thi hành án DS huyện (01);
- Bộ phận THAHS Tòa án (01);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (01);
- Người bị hại, liên quan (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án (01);
- Lưu văn phòng (01).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Thuận Lợi